

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2022/DS-PT

Ngày: 27/6/2022

*“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình

Các Thẩm phán: -Ông Đặng Văn Lộc

-Ông Nguyễn Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Liễu - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 4 năm 2022, về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2022/QĐ-PT, ngày 06 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: tổ B, ấp Ngãi H, xã Hòa B, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Dương Lưu Hải S H, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Tường Ng, xã Nhơn B, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long

2.2. Ông Phạm Minh D, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Hiệp Th, xã Hòa B, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 6 năm 2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 29/10/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th trình bày:

Vào ngày 03/6/2020 bà Dương Lưu Hải S H và ông Phạm Minh D có vay của ông số tiền 25.000.000đồng. Ngày 07/4/2021 bà H, ông D tiếp tục vay thêm 50.000.000đồng, bà H có viết biên nhận nợ cho ông. Cả hai lần vay thỏa thuận với lãi suất 6%/tháng, thời hạn vay khoảng 10 ngày trả

vốn, lãi. Sau khi vay bà H, ông D không thực hiện đúng thỏa thuận, ông có yêu cầu trả nhiều lần nhưng vẫn không trả nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H và ông D trả vốn vay tổng cộng 75.000.000đ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/12/2021 bị đơn ông Phạm Minh D trình bày: bà Dương Lưu Hải S H là vợ ông, bà H và ông kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn B, bà H có vay tiền của ông Nguyễn Văn Th hay không thì ông không biết, vì bà H vay tiền không có bàn bạc với ông, ông cũng không biết bà H vay tiền của ông Th để sử dụng vào mục đích gì. Đến tháng 5 năm 2021 bà H không còn công tác tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn B, huyện Trà Ôn thì đến tháng 6 năm 2021 có nhiều người đến Ủy ban nhân dân xã đòi tiền bà H nên ông mới biết. Ông Th yêu cầu ông liên đới với bà H trả cho ông Th số tiền 75.000.000đ, ông không đồng ý.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý và thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bị đơn, nhưng các bị đơn không tham gia phiên họp và hòa giải. Ông D có văn bản xin vắng mặt, bà H vắng mặt không lý do nên Tòa án cấp sơ xét xử vắng mặt các bị đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 30 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th;

Buộc ông Phạm Minh D và bà Dương Lưu Hải S H có nghĩa vụ liên đới trả ông Nguyễn Văn Th 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/3/2022 ông Phạm Minh D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: không buộc ông D có nghĩa vụ liên đới với bà H trả cho ông Nguyễn Văn Th số tiền 75.000.000đ và nghĩa vụ liên đới nộp tiền án phí là 3.755.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Phạm Minh D là người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý liên đới với bà H trả cho ông Th 75.000.000đ và không đồng ý liên đới nộp tiền án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th trình bày: bà H vay tiền để đáo nợ Ngân hàng do bà H là chủ tịch hội phụ nữ xã vay tiền cho các chị em hội viên. Hai lần bà H vay tiền của ông không có mặt ông D và ông cũng không báo cho ông D biết. Sau khi bà H bỏ đi ông cũng chưa gặp ông D lần nào. Nhưng

vì ông D và bà H là vợ chồng nên ông D phải có trách nhiệm liên đới trả tiền cho ông.

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm này, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Minh D, sửa án sơ thẩm. Ông D không phải chịu án phí phúc thẩm quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của những người tham gia tố tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 21/02/2022 Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án vắng mặt các bị đơn, ngày 07/3/2022 Tòa án cấp sơ thẩm niêm yết Bản án theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 18/3/2022 bị đơn ông Phạm Minh D kháng cáo là còn trong thời hạn luật định. Ông D nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định, nên kháng cáo được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Ngày 03/6/2020 bà Dương Lưu Hải S H có vay của ông Nguyễn Văn Th số tiền 25.000.000đồng, ngày 07/4/2021 vay 50.000.000đ, tổng cộng 75.000.000đ, hai lần vay bà H có làm biên nhận cho ông Th. Nội dung các biên nhận không thể hiện thời hạn trả và không thỏa thuận lãi suất. Nhưng ông Th trình bày thời hạn vay 10 ngày, mục đích bà H vay để đáo hạn ngân hàng cho phụ nữ xã Nhơn B (bà H làm chủ tịch phụ nữ xã). Sau khi vay tiền của ông Th bà H không trả nợ nên ông Th khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền 75.000.000đ là có căn cứ chấp nhận, phù hợp quy định tại Điều 463 và 469 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Minh D: ông D thừa nhận ông và bà H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn B, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long ngày 06/10/2006, nhưng ông không biết việc bà H vay tiền của ông Th, đến khi bà H bỏ đi các chủ nợ đến Ủy ban nhân dân xã đòi nợ thì ông mới biết, nên ông D không đồng ý liên đới trả nợ. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th trình bày bà H vay tiền để đáo hạn Ngân hàng cho phụ nữ xã Nhơn B, vì bà H làm chủ tịch hội phụ nữ xã. Hai lần bà H đến nhà ông Th vay tiền thông qua người cháu của ông Th, ông Th cũng không báo cho ông D biết, từ khi bà H vay tiền đến khi bà H bỏ đi ông Th cũng không gặp ông D để thỏa thuận việc

trả nợ, biên nhận nợ ông D cũng không có ký nhận. Mặc dù khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, nhưng ông Th không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông D có liên quan đến số nợ này. Như vậy có căn cứ xác định số tiền 75.000.000đ là nợ riêng của bà H nên không buộc ông D có nghĩa vụ liên đới với bà H trả nợ cho ông Th.

Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Minh D, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn. Buộc bà Dương Lưu Hải S H có nghĩa vụ trả ông Nguyễn Văn Th số tiền 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng). Không buộc ông D có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ông Th.

[4]Về án phí dân sự sơ thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên sửa lại án phí sơ thẩm. Buộc bà H phải chịu 3.755.000đ án phí. Ông D không phải chịu án phí sơ thẩm.

[5]Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên ông Phạm Minh D không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6]Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Minh D;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 469 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1.Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th.

2.Buộc bà Dương Lưu Hải S H có nghĩa vụ trả ông Nguyễn Văn Th số tiền 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án(đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc bà Dương Lưu Hải S H phải chịu 3.750.000đ (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Th tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.875.000đ (một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0017067 ngày 01/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

4.Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên ông D không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông Phạm Minh D 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0014401 ngày 18/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

5.Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp; ;
- TAND huyện Trà Ôn;
- CCTHADS huyện Trà Ôn.
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Ánh Bình